

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Lê Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Khá và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Thái Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2014/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2014, về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/QĐXX-ST ngày 19/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2020/QĐST-DS ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, Phú Yên.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng S, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: 176 T, phường B, thành phố T, Phú Yên.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Võ Thị Thu H, sinh năm: 1965; Địa chỉ: 176 T, phường B, thành phố T, Phú Yên.

- Ông Phạm H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt (Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:

Yêu cầu Tòa buộc ông S, bà H phải trả số tiền mua xe góp còn nợ theo Hợp đồng ngày 14/8/2012 là 12.580.000 đồng và lãi 1.125%/tháng từ ngày mua xe cho đến khi trả xong nợ. Bà S yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt bà cho đến khi có bản án.

\* Bị đơn ông Nguyễn Trọng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H vắng mặt nên không có trình bày.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H trình bày: Ông làm công cho Doanh nghiệp Thanh S từ năm 2000 đến nay. Từ năm 2012 đến năm 2016, bà S giao cho ông đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ ký giấy bán xe để bà S và người mua xe làm thủ tục sang tên. Ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S và đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 12.580.000 đồng và lãi suất từ ngày 14/9/2012 đến khi trả xong. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã đóng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thì hiện bị đơn không có mặt tại địa chỉ cư trú. Việc bị đơn bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không

thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

Ngày 08/5/2020, bà S có đơn yêu cầu Tòa chuyển hồ sơ Công an để xử lý hình sự đối với ông S, bà H. Tòa án đã chuyển hồ sơ cho Công an xem xét theo thẩm quyền. Ngày 19/6/2020, Công an thành phố T có Thông báo kết quả với nội dung “vụ việc không có dấu hiệu tội phạm”. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc bà S yêu cầu hoãn phiên tòa để chờ kết quả giải quyết khiếu nại của Công an thành phố Tuy Hòa theo đơn khiếu nại của bà là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

Trước đây, bà Hồ Thị Thanh S đã có nhiều đơn đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt bà cho đến khi có bản án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trọng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán xe máy: Ngày 14/8/2012, giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn ông Nguyễn Trọng S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H có ký kết Hợp đồng kinh tế mua xe máy; theo đó ông S mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy hiệu Suvina; số khung 000198, số máy 000198, còn nợ lại số tiền 12.580.000 đồng, góp mỗi tháng 524.000 đồng trong thời gian 24 tháng. Người bảo lãnh cho ông S là bà Võ Thị Thu H.

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 09/10/2019 của Công an huyện Đ cung cấp: Xe có biển số 78G1-087.70, có số khung: 000198, số máy: 000198 do ông Phạm H đứng tên chủ xe. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm H xác nhận mình là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng; nên có căn cứ xác định tại thời điểm mua bán, xe thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Hợp đồng giữa bà S và ông S, bà H được lập đúng hình thức, nội dung không trái luật, các bên cùng ký xác nhận; do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 14/8/2012 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, thể hiện: ông S có mua của bà S 01 chiếc xe máy hiệu Suvina, số máy 000198, số khung 000198; còn nợ lại số tiền 12.580.000 đồng, trả góp trong vòng 24 tháng. Theo trình bày của bà S, từ đó đến nay ông S chưa trả cho bà S được khoản nào. Ông S đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa và không cung cấp được các chứng cứ thể hiện đã trả nợ. Xét thấy: Việc bị đơn không trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là vi

phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 12.580.000 đồng còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 14/8/2012, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại theo mức không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (lãi cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là 1,125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong là phù hợp nên chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 14/8/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2020 là 08 năm 01 tháng 16 ngày x 12.580.000 đồng x 1,125%/tháng = 13.803.405 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 26.383.405 đồng.

[5] Xét nghĩa vụ bảo lãnh của bà Võ Thị Thu H: Căn cứ Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 14/8/2012, bà H ký tên tại mục người bảo lãnh, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng nên phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh đối với bà H. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn khi bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ.

[6] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 78G1-087.70 thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Phạm H phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 361, 363, 428, 429, 431, 432, 438, 439 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng S phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe máy còn nợ tính đến ngày 30/9/2020 tổng cộng là 26.383.405 đồng (*Hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm linh năm đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 12.580.000 đồng, tiền lãi là 13.803.405 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu người bảo lãnh là bà Võ Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn số nợ còn lại.

Sau khi bị đơn trả hết nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78G1-087.70 thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và ông Phạm H phải có trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn theo quy định pháp luật. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn ông Võ Trọng S phải chịu 1.319.000 đồng (*Một triệu ba trăm mười chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 315.000 đồng (*Ba trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 12186 ngày 26/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Lê Mai**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trọng Khá**

**Huỳnh Khắc Hiếu**

**Trần Lê Mai**